

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2025/DS-PT
Ngày 13-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quốc Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 559/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2023/QĐ-PT, ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (viết tắt là X); địa chỉ trụ sở: Tầng H VC, số A đường L, phường B, Quận A, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Số B đường N, Phường I, Quận E, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2000; chức vụ: Cán bộ Phòng Xử lý và Thu hồi nợ, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X (X) theo Văn bản ủy quyền số 1755/2024/EIBA/UQ-TGD ngày 03/12/2024.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thu N1, sinh năm 1978; địa chỉ: Số C, đường D, khu dân cư C, tổ Y, Khu phố K, phường C, thành phố T, tỉnh BD;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đỗ Thành H là Luật sư của Công ty Luật hợp danh Nam Việt Luật, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/02/2024 và các lời khai trong quá trình hòa giải, đại diện nguyên đơn ông Lê Tuấn A trình bày: Ngày 21/06/2023, bà Trần Thị Thu N1 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (viết tắt là X) Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV230048415 và Khế ước nhận nợ số 2214LDS230000206 ngày 26/7/2023; số tiền vay 1.628.000.000 đồng, thời gian vay 240 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 09/08/2023, bà N1 đã ký với X Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2214HĐBĐ202300078, công chứng tại Phòng Công Chứng số 1, tỉnh Bình Dương (số công chứng 1673, quyền số 08/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/08/2023). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 869, tờ bản đồ số 4, tại phường T, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương.

Đồng thời, ngày 27/7/2023, Ngân hàng X đã ký Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế cấp cho bà Trần Thị Thu N1 01 thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng, thời hạn 36 tháng. Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế, bà Trần Thị Thu N1 đã nhận và sử dụng 01 thẻ tín dụng Visa Gold hạn mức 100.000.000 đồng. Thực hiện các hợp đồng tín dụng vay và thẻ tín dụng, bà N1 trả được số tiền 29.500.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 29.500.000 đồng) và ngày 28/9/2023 bà N1 trả được số tiền 6.225.235 đồng. Đến ngày 06/10/2023, bà N1 không thanh toán nợ cho X nên khoản vay chuyển nợ quá hạn. Kể từ khi quá hạn, X đã nhiều lần yêu cầu bà N1 tắt toán nợ nhưng bà N1 vẫn không thực hiện và không hợp tác thanh toán toàn bộ nợ cho X. Do đó, Ngân hàng TMCP X (X) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Trần Thị Thu N1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (X) tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 2214LAV230048415 ngày 21/6/2023, giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/7/2023 tạm tính đến ngày 26/8/2024 là 1.973.339.548 đồng, trong đó: nợ gốc hợp đồng tín dụng là 1.628.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 174.965.397 đồng, lãi quá hạn 0 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 7.239.346 đồng và dư nợ thẻ tín dụng 169.349.662 đồng.

Ngoài ra, bà Trần Thị Thu N1 còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 26/8/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (X) theo các hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ mà hai bên đã ký kết.

Trong trường hợp bà Trần Thị Thu N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (X) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 869, tờ bản

đồ số 4, tại phường T, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY399890, số vào sổ CS20755 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/10/2020 cho ông Lâm Sơn H1, cập nhật biến động sang tên bà Trần Thị Thu N1 ngày 04/8/2023 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2214HĐBĐ202300078 ngày 09/8/2023 mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn bà Trần Thị Thu N1 trình bày: Bà N1 thừa nhận có ký kết với Ngân hàng TMCP X (X) Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV230048415 ngày 21/6/2023 và Khế ước nhận nợ số 2214LDS230000206 ngày 26/7/2023 để vay số tiền 1.628.000.000 đồng và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp Đồng sử dụng thẻ quốc tế hạn mức 100.000.000 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N1 phải thanh toán tổng số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký bao gồm nợ gốc hợp đồng tín dụng 1.628.000.000 đồng và tiền lãi theo như đại diện nguyên đơn trình bày thì bà N1 đồng ý nhưng đề nghị Ngân hàng xem xét giảm toàn bộ tiền lãi và gia hạn thời hạn thanh toán cho bà N1 để có thời gian xử lý tất toán nợ cho gần hàng, vì hiện tại bà N1 đang gặp khó khăn không thể tất toán nợ cho Ngân hàng được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (X) đối với bị đơn bà Trần Thị Thu N1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Trần Thị Thu N1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (X) số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 2214LAV230048415 ngày 21/6/2023 là 1.973.339.548 đồng (trong đó nợ gốc 1.628.000.000 đồng và nợ lãi là 357.170.140 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 27/7/2023 là 169.349.662 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/8/2024, bà Trần Thị Thu N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị Thu N1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Trần Thị Thu N1 không thanh toán khoản nợ trên hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP X (X) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2214HĐBĐ202300078 ngày 09/8/2023 đối với quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 869, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 399890, số vào sổ CS20755 do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/10/2020 cho ông Lâm Sơn H1, cập nhật biến động sang tên bà Trần Thị Thu N1 ngày 04/8/2023 để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của các đương sự và ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về nội dung vụ án: Bà N1 ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV230048415 ngày 21/6/2023 với Ngân hàng TMCP X (X) và Khế ước nhận nợ số 2214LDS230000206 ngày 26/7/2023. Đồng thời, ngày 27/7/2023, X đã ký Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế để cấp cho bà N1 01 thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng, thời hạn 36 tháng. Bà N1 thừa nhận số tiền nợ gốc đối với 02 hợp đồng theo như đại diện nguyên đơn trình bày nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV230048415 ngày 21/6/2023 và Thẻ tín dụng ngày 27/7/2023, nguyên đơn xác định bà Trần Thị Thu N1 đã trả được số tiền nợ lãi 29.500.000 đồng và ngày 28/9/2023 bà N1 trả tiếp số tiền nợ lãi là 6.225.235 đồng. Như vậy, tính đến ngày 06/10/2023, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho X nên khoản vay chuyển nợ quá hạn. Do đó, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu N1 phải thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV230048415 ngày 21/6/2023 tính đến ngày 26/8/2024 là 1.628.000.000 đồng có cơ sở chấp nhận

[2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV230048415 tạm tính đến ngày 26/8/2024 gồm nợ lãi trong hạn 174.965.397 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 7.239.346 đồng là đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV230048415 ngày 21/6/2023 nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Đối với dư nợ thẻ tín dụng 169.349.662 đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ

Quốc tế ngày 27/7/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; phù hợp Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn yêu cầu nguyên đơn giảm toàn bộ tiền lãi phát sinh và gia hạn thời hạn thanh toán nhưng nguyên đơn không đồng ý, do đó không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Xét giao dịch bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2214HĐBĐ202300078 ngày 09/8/2023 nhằm thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 869, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 399890, số vào sổ CS20755 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/10/2020 cho ông Lâm Sơn H1, cập nhật biến động sang tên bà Trần Thị Thu N1 ngày 04/8/2023, đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, xử lý các tài sản thế chấp nêu trên cùng tài sản gắn liền để thu hồi nợ.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị Thu N1.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 134/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 05/2025/QĐ-SCBSBA ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Thu N1 phải nộp số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0003069 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. T;
- CCTHADS TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa Dân sự, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp